



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

BẢN TIN SỐ 1522

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 09/09/2025 đến ngày 15/09/2025)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

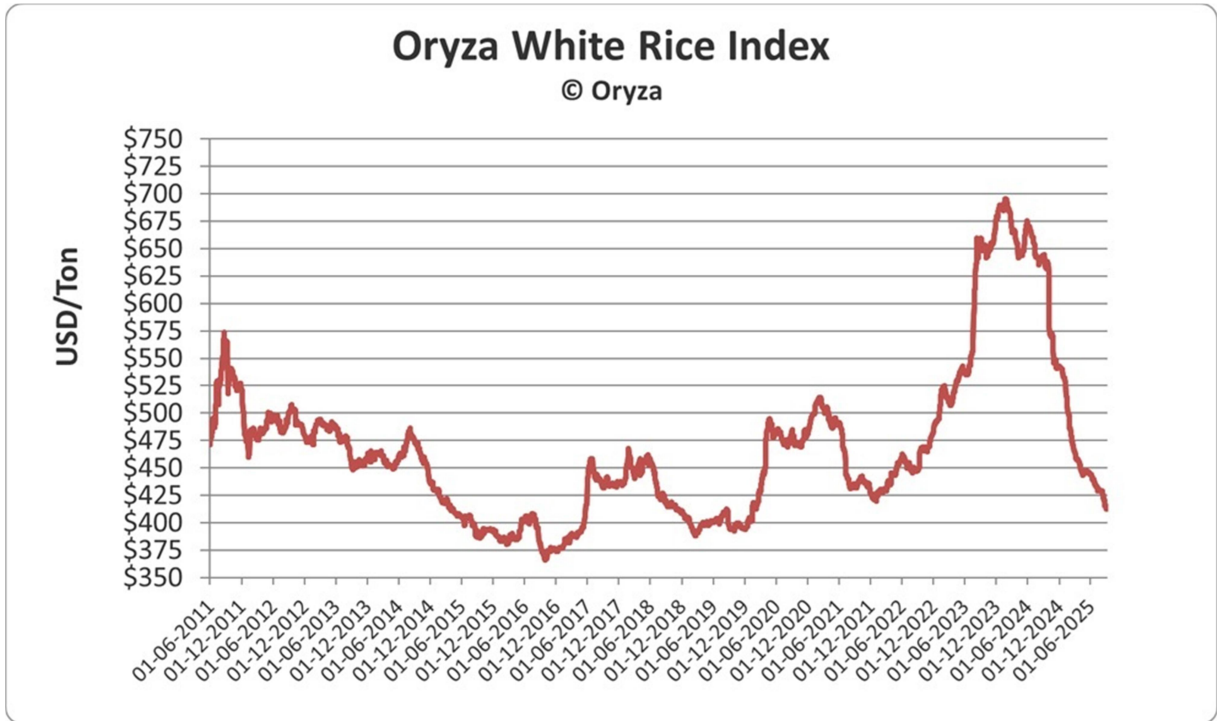
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

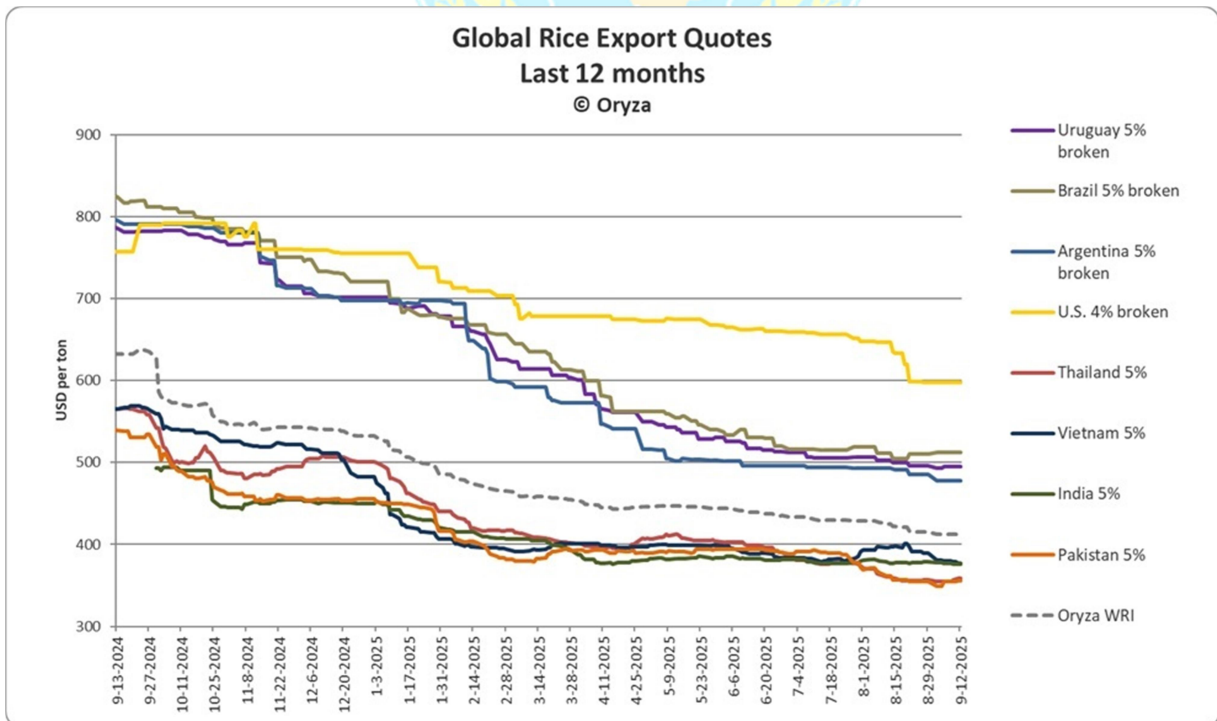
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	09 – 09		10 – 09		11 – 09		12 – 09	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	363	367	366	370	367	371	367	371
	5% tấm	353	357	356	360	357	361	357	361
	25% tấm	334	338	337	341	338	342	338	342
	Hom Mali 92%	1067	1071	1078	1082	1084	1088	1084	1088
	Gạo đỏ 100% Stxd	364	368	367	371	368	372	368	372
	A1 Super	314	318	317	321	320	324	320	324
VIỆT NAM	5% tấm	377	381	377	381	375	379	375	379
	25% tấm	354	358	354	358	354	358	354	358
	Gạo thơm 5% tấm	450	455	450	455	440	450	440	450
	Jasmine	532	536	532	536	494	498	494	498
	100% tấm	319	323	319	323	319	323	319	323
ẤN ĐỘ	5% tấm	374	378	374	378	374	378	374	378
	25% tấm	359	363	359	363	359	363	359	363
	Gạo đỏ 5% Stxd	358	362	358	362	358	362	358	362
	100% tấm Stxd	323	331	323	331	323	331	323	331
PAKISTAN	5% tấm	353	357	353	357	354	358	354	358
	25% tấm	331	335	336	340	338	342	338	342
	100% tấm Stxd	308	312	310	314	311	315	311	315
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	344	348	344	348	334	338	334	338
MỸ	4% tấm	596	600	596	600	596	600	596	600
	15% tấm (Sacked)	578	642	578	642	578	642	578	642
	Gạo đỏ 4% tấm	858	862	858	862	858	862	858	862
	Calrose 4%	806	810	806	810	806	810	806	810

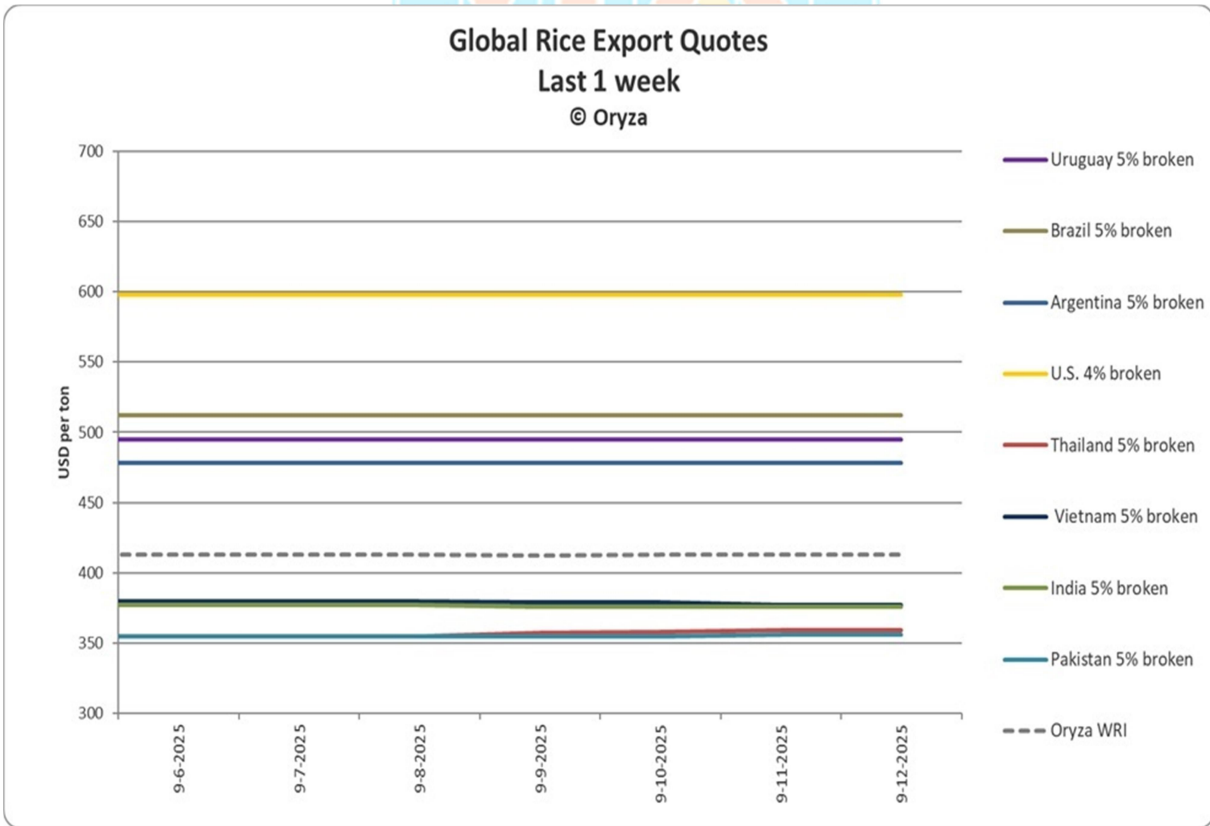
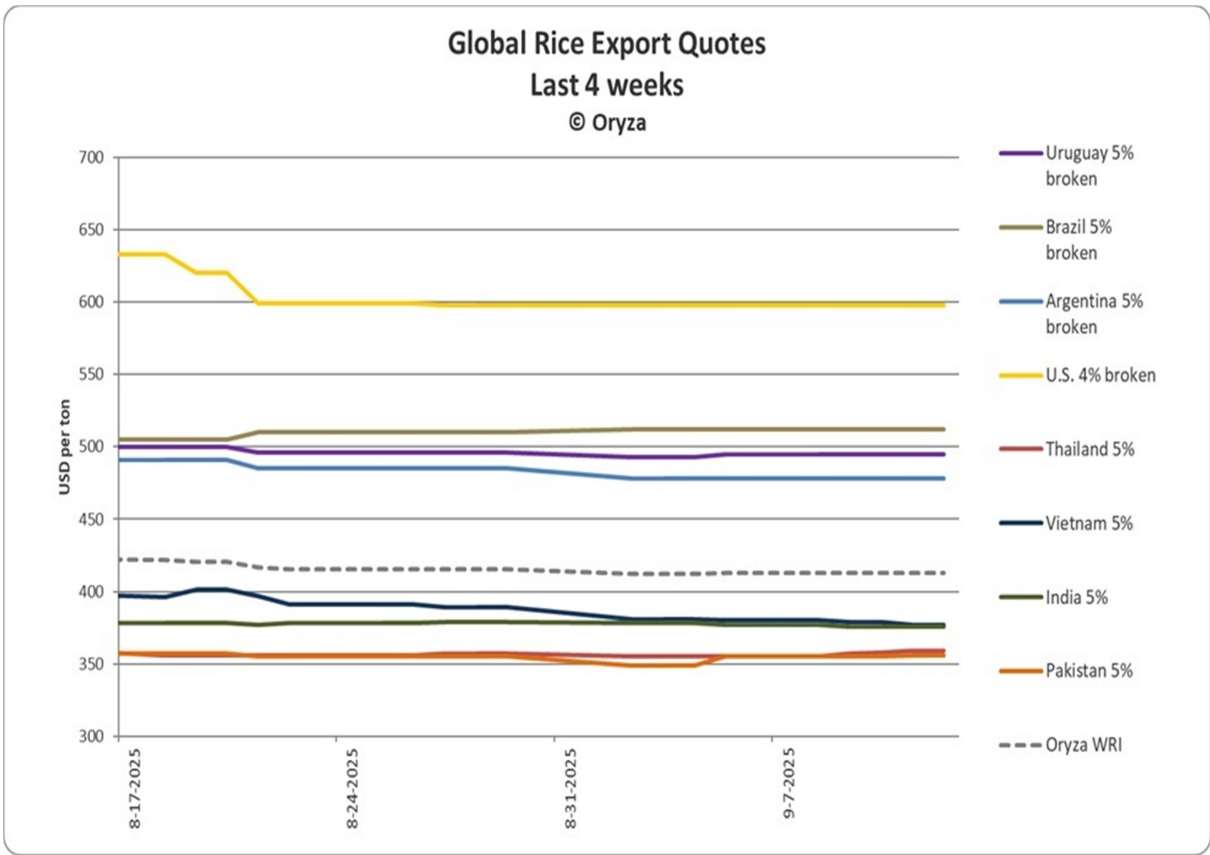
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

***Tổng quan thị trường:**



Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 413 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm 13 USD/tấn so với tháng trước và giảm 220 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.





Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã công bố báo cáo "Ước tính Cung và Cầu Nông nghiệp Thế giới (WASDE)" cho tháng 9 năm 2025. Thị trường gạo Hoa Kỳ đang đối mặt với lượng tồn kho đầu kỳ cao và nguồn cung dồi dào, nhưng nhu cầu xuất khẩu lại thấp hơn do cạnh tranh về giá. Điều này đang gây áp lực giảm giá, dẫn đến dự báo lượng tồn kho cuối kỳ cho niên vụ 2025/26 sẽ cao hơn. Thị trường gạo toàn cầu trong niên vụ 2025/26 dự kiến sẽ đạt mức cung kỷ lục, nhờ lượng tồn kho đầu kỳ dồi dào. Mặc dù khối lượng thương mại vẫn ổn định, nhưng đang có sự dịch chuyển với việc xuất khẩu tăng từ Miến Điện và giảm từ Pakistan. Tăng trưởng tiêu thụ gạo ở mức khiêm tốn, dẫn đầu là Ấn Độ. Lượng tồn kho cuối kỳ toàn cầu dự kiến sẽ tăng nhẹ, cho thấy triển vọng nguồn cung khả quan.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã công bố báo cáo "Ngũ cốc: Thị trường và Thương mại Thế giới" tháng 9 năm 2025. Thị trường gạo toàn cầu trong tháng 9 năm 2025 cho thấy những xu hướng trái chiều. Trong niên vụ 2025/26, sản lượng toàn cầu giảm, chủ yếu do sản lượng từ Việt Nam giảm, trong khi tiêu thụ tăng, đặc biệt là ở Ấn Độ và Madagascar. Thương mại gạo toàn cầu vẫn ổn định nhờ xuất khẩu tăng từ Miến Điện bù đắp cho lượng xuất khẩu giảm từ Pakistan và Hoa Kỳ, và tồn kho cuối kỳ tăng, với mức tăng đáng kể ở Pakistan, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Thương mại lại giảm do xuất khẩu từ Ấn Độ và Pakistan giảm, trong khi tiêu thụ giảm ở Miến Điện và Hoa Kỳ, dẫn đến tồn kho cuối kỳ tăng ở Ấn Độ và Pakistan. Giá xuất khẩu giảm ở hầu hết các nhà cung cấp chính do áp lực thu hoạch và nhu cầu yếu. Một diễn biến quan trọng trên thị trường là việc Philippines tạm thời ngừng nhập khẩu gạo trong 60 ngày, bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2025, để hỗ trợ nông dân địa phương đang gặp khó khăn do giá thấp.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã công bố "Báo cáo Nông nghiệp Thế giới" tháng 9 năm 2025. Sản lượng gạo xay xát toàn cầu cho niên vụ 2025/26 dự kiến đạt 541,46 triệu tấn, với tổng diện tích thu hoạch là 171,72 triệu ha và năng suất trung bình 4,71 tấn/ha. Ấn Độ tiếp tục dẫn đầu sản lượng toàn cầu với 151,00 triệu tấn, nhờ diện tích canh tác rộng lớn 51,50 triệu ha và điều kiện gió mùa thuận lợi. Trung Quốc bám sát phía sau với 146,00 triệu tấn, duy trì một trong những năng suất cao nhất ở mức 7,19 tấn/ha. Bangladesh dự kiến sẽ đạt 37,50 triệu tấn, nhờ lượng mưa ổn định và các chương trình của chính phủ, trong khi Pakistan dự kiến đạt 9,80 triệu tấn, chỉ chịu ảnh hưởng nhỏ từ lũ lụt gần đây. Tại Đông Nam Á, Indonesia dự kiến sẽ đạt 13,30 triệu tấn, Philippines 8,30 triệu tấn, Thái Lan 5,45 triệu tấn và Việt Nam 4,20 triệu tấn, phản ánh sản lượng ổn định của khu vực. Hoa Kỳ dự kiến sẽ sản xuất 6,62 triệu tấn, đạt năng suất cao nhất toàn cầu là 8,47 tấn/ha. Nhìn chung,

sản lượng toàn cầu vẫn ổn định, châu Á tiếp tục thống trị cả sản lượng và tiêu thụ, đảm bảo nguồn cung đủ cho thị trường toàn cầu bất chấp những thách thức cục bộ liên quan đến thời tiết.

Philippines

Tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2025, tổng lượng gạo dự trữ của Philippines đạt 2,321 triệu tấn, tăng 24,5% so với mức 1,864 triệu tấn của năm trước đó, mặc dù giảm 16,8% so với mức 2,791 triệu tấn được ghi nhận vào ngày 1 tháng 7 năm 2025, theo Cơ quan Thống kê Philippines. Trong tổng số đó, 836.890 tấn do các hộ gia đình nắm giữ, 1,031 triệu tấn được lưu trữ trong các kho thương mại và 452.740 tấn do Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) quản lý.

Theo Cục Công nghiệp Thực vật, tính đến ngày 4 tháng 9, Philippines đã ghi nhận lượng gạo nhập khẩu gần 3 triệu tấn - chủ yếu từ Việt Nam - ngay trước khi lệnh cấm nhập khẩu tạm thời có hiệu lực. Lệnh cấm, có hiệu lực đến ngày 30 tháng 10 năm 2025, chỉ cho phép các lô hàng đã rời khỏi các nước xuất khẩu trước ngày 31 tháng 8 được nhập cảnh vào Philippines thông qua một số cảng nhất định cho đến ngày 15 tháng 9, các lô hàng sau đó sẽ bị từ chối. Bao gồm gạo thường và gạo xay xát kỹ nhưng miễn trừ các loại gạo đặc sản như gạo Japonica, gạo nếp và gạo basmati, biện pháp này được áp dụng sau khi giá lúa tại ruộng giảm xuống mức thấp nhất là 8 peso/kg (0,14 USD/kg), mức giảm này là do lượng gạo nhập khẩu giá rẻ quá lớn gây thiệt hại cho nông dân địa phương và làm mất ổn định giá cả trong nước.

Indonesia

Indonesia dự kiến thặng dư gạo 3,5 triệu tấn vào năm 2025, với sản lượng quốc gia dự kiến đạt 33-34 triệu tấn - tăng so với mức hơn 30 triệu tấn năm 2024 - theo Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Sudaryono. Sự thặng dư này là do diện tích gieo trồng được mở rộng nhờ máy móc hiện đại, hệ thống phân bón và thủy lợi được cải thiện, thời tiết thuận lợi và các chính sách của chính phủ giúp năng suất cao hơn. Nông dân cũng đã mở rộng canh tác do giá cả có lợi. Với những yếu tố này, Indonesia đặt mục tiêu tự cung tự cấp, ổn định nguồn cung trong nước và loại bỏ nhu cầu nhập khẩu gạo đến năm 2025.

Indonesia đã tái khẳng định cam kết duy trì chính sách không nhập khẩu gạo cho tiêu dùng phổ thông vào năm 2025, ngoại trừ các loại gạo đặc sản được một số nhà hàng sử dụng. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Indonesia nhấn mạnh rằng gạo nhập khẩu sẽ chỉ giới hạn ở các loại gạo chất lượng cao, đặc thù mà một số nhà hàng yêu cầu và sẽ không được cung cấp cho tiêu dùng công cộng. Điều này có nghĩa là sẽ không có gạo cấp trung bình hoặc các loại gạo thông thường khác được nhập khẩu.

Bangladesh

Chính phủ Bangladesh đã vượt mục tiêu thu mua lúa vụ Boro năm 2025, thu hoạch được 376.942 tấn lúa, 1,406 triệu tấn gạo đồ và 51.307 tấn gạo atap với giá cố định lần lượt là 36 taka và 49 taka/kg, theo báo cáo của The Business Standard. Tuy nhiên, bất chấp sản lượng thu mua kỷ lục và vụ mùa bội thu này, giá gạo vẫn tiếp tục tăng kể từ tháng 8 năm ngoái, khiến người tiêu dùng hiện phải trả thêm 5–17 taka/kg so với cùng kỳ năm ngoái. Ban Kinh tế Tổng hợp thuộc Ủy ban Kế hoạch lưu ý rằng tỷ lệ đóng góp của gạo vào lạm phát lương thực đã tăng từ 40% trong tháng 5 lên 51,55% trong tháng 7, do các loại gạo mịn, trung bình và thô đều tăng giá, trong đó gạo trung bình và thô phải đối mặt với lạm phát hai chữ số kể từ tháng 12. Xu hướng này làm suy yếu kỳ vọng rằng sản lượng lúa Boro cao sẽ ổn định giá cả và giảm áp lực lạm phát.

Malaysia

Trong báo cáo GIEWS mới nhất, FAO nhấn mạnh rằng sản lượng lúa năm 2025 của Malaysia ước tính đạt 2,2 triệu tấn, thấp hơn một chút so với mức trung bình do diện tích gieo trồng giảm do lũ lụt cuối năm 2024, trong khi dự báo lượng mưa thấp hơn mức trung bình từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2025 có thể ảnh hưởng thêm đến vụ mùa đầu năm 2026. Do sản lượng nội địa chỉ đáp ứng khoảng 25% tổng nhu cầu ngũ cốc, nhập khẩu gạo dự kiến đạt 1,6 triệu tấn, với tổng lượng ngũ cốc nhập khẩu dự kiến tăng 7% so với mức trung bình lên 7,4 triệu tấn, bao gồm bắp (3,9 triệu tấn) và lúa mì (1,9 triệu tấn). Mặc dù không có dữ liệu giá cụ thể, báo cáo lưu ý rằng việc Malaysia phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, thời tiết bất lợi, tăng trưởng dân số và nhu cầu du lịch có thể gây áp lực tăng giá gạo trong nước.

Hàn Quốc

Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc hôm thứ Sáu thông báo sẽ xuất kho thêm 25.000 tấn gạo từ kho dự trữ quốc gia nhằm ổn định giá cả đang tăng vọt do thiếu hụt nguồn cung, theo Yonhap News. Động thái này diễn ra trong bối cảnh giá sản xuất một bao gạo 40 kg đã tăng vọt lên hơn 220.000 won (khoảng 158 USD) vào tuần trước, đánh dấu mức cao nhất trong gần bốn năm. Trong khi đó, giá bán lẻ trung bình của một bao gạo 20 kg đã tăng lên 61.000 won (khoảng 43,85 USD), tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Châu Phi

Bộ Nông nghiệp **Uganda**, hợp tác với Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc, đã khởi động dự án giống lúa trị giá 14,8 tỷ shilling (4,2 triệu USD) thuộc chương trình Vành đai lúa K tại Hệ thống Thủy lợi Tochi ở huyện Oyam. Sáng kiến

này sẽ phục hồi 65 ha, đưa vào sử dụng các giống lúa năng suất cao, có khả năng cho năng suất lên đến 5 tấn/mẫu Anh, và sản xuất 13.000 tấn giống lúa đạt chuẩn hàng năm. Được thiết kế để khôi phục hệ thống chưa được khai thác hiệu quả – trước đây bởi lũ lụt, hệ thống thoát nước kém và đất hoang hóa – dự án sẽ đào tạo nông dân, cung cấp cơ sở vật chất hiện đại và thúc đẩy canh tác thương mại. Mục tiêu cuối cùng của dự án là cắt giảm lượng gạo nhập khẩu 344.000 tấn của Uganda, tạo việc làm cho thanh niên và phụ nữ, đồng thời củng cố an ninh lương thực quốc gia.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo 5% tám của Ấn Độ hiện được báo giá khoảng 376 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước và giảm khoảng 2 USD/tấn so với tháng trước.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phúc lợi Nông dân, tính đến ngày 5 tháng 9 năm 2025, diện tích trồng lúa Kharif của Ấn Độ đã tăng 4,68% so với cùng kỳ năm trước, đạt 43,83 triệu ha, nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi. Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD) báo cáo rằng lượng mưa gió mùa tích lũy từ ngày 1 tháng 6 đến ngày 8 tháng 9 đạt 819,8 mm, cao hơn khoảng 8,65% so với mức trung bình dài hạn là 754,5 mm, hỗ trợ việc mở rộng diện tích gieo trồng.

Trong báo cáo GIEWS mới nhất về Ấn Độ, FAO lưu ý rằng diện tích gieo trồng lúa vụ Kharif 2025/26 đạt kỷ lục 39,9 triệu ha, nhờ nhu cầu mạnh mẽ và các ưu đãi của chính phủ, mặc dù mưa lớn và lũ lụt ở các bang phía bắc đã làm dấy lên lo ngại về mất mùa cục bộ. Dự báo lượng mưa thuận lợi trong tháng 9-11 sẽ hỗ trợ cho vụ gieo trồng vụ Rabi sắp tới, nhưng mưa quá nhiều có thể làm gián đoạn việc thu hoạch và làm tăng nguy cơ sâu bệnh. Xuất khẩu gạo của Ấn Độ dự kiến sẽ đạt mức kỷ lục 23,3 triệu tấn trong năm 2025, tăng 30% so với năm 2024, củng cố vị thế là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, trong khi xuất khẩu ngô vẫn ở mức thấp 1,2 triệu tấn do nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong nước và xuất khẩu lúa mì vẫn bị hạn chế do lệnh cấm đang diễn ra. Bất chấp những thách thức về thời tiết, giá gạo trong nước vẫn ổn định, giảm khoảng 5% so với cùng kỳ năm trước vào tháng 7 năm 2025, nhờ nguồn cung dồi dào từ vụ thu hoạch bội thu năm 2024. Về mặt chính sách, chính phủ tiếp tục thúc đẩy gieo trồng lúa thông qua Giá Hỗ trợ Tối thiểu (MSP) và đã áp đặt hạn ngạch tồn kho đối với các thương nhân lúa mì để hạn chế tình trạng tích trữ, các biện pháp tương tự cũng có thể được áp dụng đối với gạo nếu áp lực nguồn cung xuất hiện.

Thái Lan

Giá gạo 5% tám của Thái Lan hiện ở mức khoảng 359 USD/tấn, tăng khoảng 4 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 2 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 206 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Reuters, Hiệp hội Các Nhà Xuất khẩu Gạo Thái Lan đã bày tỏ lo ngại về việc đồng Baht mạnh lên, điều này có thể gây ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh xuất khẩu gạo. Hiệp hội đang kêu gọi chính phủ và Ngân hàng Trung ương thực hiện các biện pháp làm suy yếu đồng Baht để hỗ trợ ngành lúa gạo.

Miến Điện

Báo cáo GIEWS mới nhất của FAO về Miến Điện dự báo sản lượng lúa năm 2025 đạt 28,2 triệu tấn, cao hơn 2% so với mức trung bình 5 năm, nhờ lượng mưa thuận lợi, và vụ thu hoạch dự kiến bắt đầu vào tháng 10. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo dự kiến sẽ giảm 14,5% xuống còn 2,4 triệu tấn, trong khi tổng xuất khẩu ngũ cốc cho năm 2025/26 dự kiến đạt 3,6 triệu tấn. Mặc dù giá bán lẻ gạo Emata ổn định vào giữa năm 2025, nhưng giá vẫn ở mức cao do chi phí đầu vào và vận chuyển tăng, gián đoạn do xung đột và trận động đất tháng 3 năm 2025. Tình hình an ninh lương thực đang ở mức báo động, với 16,7 triệu người - gần 30% dân số - phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025, tăng mạnh so với con số 13,3 triệu người của năm trước đó, do thiên tai, xung đột, di dời, thời tiết khắc nghiệt và áp lực kinh tế.

Theo Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF), Miến Điện đã xuất khẩu 1,04 triệu tấn gạo và gạo tám từ tháng 4 đến tháng 8 năm tài chính 2025–2026, thu về 355 triệu USD. Lượng gạo xuất khẩu được thực hiện bằng cả đường biển và đường bộ đến hơn 30 quốc gia. MRF đặt mục tiêu xuất khẩu 3 triệu tấn gạo trong năm tài chính hiện tại.

Campuchia

Theo tờ Khmer Times, trong tám tháng đầu năm 2025, Campuchia đã xuất khẩu 472.803 tấn gạo xay xát trị giá 348 triệu USD sang 66 quốc gia, đánh dấu mức tăng 14,7% về khối lượng và 14% về doanh thu so với cùng kỳ năm trước. Gạo thơm chiếm ưu thế xuất khẩu ở mức 87%, với EU là người mua lớn nhất (226.910 tấn, 176 triệu USD), tiếp theo là Trung Quốc và các khu tự trị (116.320 tấn, 68 triệu USD), các nước ASEAN và các thị trường Châu Phi và Trung Đông. Ngoài ra, Campuchia đã thu được 1,114 tỷ USD từ xuất khẩu lúa gạo qua biên giới, tổng cộng 4,84 triệu tấn. Liên đoàn Lúa gạo Campuchia cho rằng sự tăng trưởng này là do xây dựng thương hiệu mạnh hơn và mở rộng thị trường, trong khi chính phủ đã hỗ trợ ngành này thông

qua tài chính, cải thiện cơ sở hạ tầng và các chính sách để giảm chi phí, nhấn mạnh gạo là động lực quan trọng của nền kinh tế nông nghiệp của đất nước.

Pakistan

Gạo 5% tấm Pakistan hiện được chào bán ở mức khoảng 356 USD/tấn, tăng khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 6 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 183 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Pakistan (REAP) đã hạ thấp lo ngại về thiệt hại mùa màng nghiêm trọng do lũ lụt gần đây ở Punjab, ước tính thiệt hại chỉ khoảng 10-12% sản lượng lúa của tỉnh này so với con số 60% mà Diễn đàn Doanh nghiệp Pakistan đưa ra. Phó Chủ tịch Cấp cao của REAP, ông Jilani, lưu ý rằng mặc dù diện tích lúa bị ảnh hưởng là 600.000-700.000 mẫu Anh (khoảng 250.000-210.000 ha), nhưng lượng nước dư thừa thực sự có thể có lợi cho những khu vực trước đây bị thiếu nước, và các đánh giá chính thức cũng như độc lập đều cho thấy mức ước tính thấp hơn này. Ông cảnh báo rằng những con số phóng đại có thể gây tổn hại đến niềm tin của người mua vào thời điểm Pakistan đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ gạo xuất khẩu giá rẻ của Ấn Độ, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải có dữ liệu được xác minh để trấn an thị trường quốc tế. Khi mực nước đang rút ở Punjab và bang Sindh đang kiểm soát được lũ lụt, Jilani cho biết các thành viên REAP sẵn sàng hỗ trợ những người nông dân bị ảnh hưởng thông qua các nỗ lực cứu trợ.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	08 – 09	09 – 09	10 – 09	11 – 09	12 – 09
Trung Quốc (CNY/USD)	7.13	7.12	7.12	7.12	7.12
Châu Âu (EUR/USD)	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16435.86	16450.15	16438.10	16424.64	16405.03
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.22	4.21	4.22	4.22	4.21
Philippines Peso (PHP/USD)	56.68	57.07	57.03	57.13	57.17
Hàn Quốc (KRW/USD)	1386.43	1388.43	1387.33	1389.58	1394.08
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	147.60	147.24	147.36	147.16	147.86
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	87.99	88.20	88.04	88.30	88.29
Miến Điện (MMK/USD)	2099.50	2099.46	2099.59	2099.07	2099.43
Pakistan Rupees (PKR/USD)	283.44	283.32	283.34	283.56	283.65
Thái Lan Baht (THB/USD)	31.70	31.73	31.74	31.71	31.76
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26442.58	26384.89	26392.43	26397.08	26409.21

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:***** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 15/09/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,504 triệu ha (cả cùng phía Nam là 1,886 triệu ha), diện tích thu hoạch được khoảng 1,275 triệu ha, với năng suất 56,54 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7,208 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 557 ngàn ha/700 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 79,6%, mới bắt đầu thu hoạch được khoảng 25 ngàn tấn.

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 42 ngàn ha/219 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 19,18%.

II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/09 – 15/09/2025 có 10 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 107.300 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Panoria	HCM	11/08/2025	43.000	Châu Phi
2	Dancewood SW	HCM	21/08/2025	27.000	Châu Phi
3	Doric Javelin	HCM	21/08/2025	16.500	Châu Phi
4	Hòa Bình 54	HCM	26/08/2025	4.800	Malaysia
5	Hải Âu 28	HCM	30/08/2025	4.900	Philippines
6	Phúc Thuận 89	Mỹ Thới	30/08/2025	4.800	Philippines
7	Hải Hồng Shun	Mỹ Thới	02/09/2025	3.800	Philippines
8	Phúc Thuận 69	HCM	02/09/2025	4.800	Philippines
9	Royal 27	HCM	02/09/2025	13.000	Philippines
10	Amore	HCM	03/09/2025	40.000	Châu Phi
11	Ocean Star	Mỹ Thới	06/09/2025	5.800	Philippines
12	Star 11	Mỹ Thới	06/09/2025	5.700	Philippines
13	TTC An Bình	HCM	06/09/2025	4.000	Malaysia
14	TTC Hải Phòng	HCM	06/09/2025	6.200	Malaysia
15	Eva Londen	HCM	07/09/2025	13.000	Châu Phi
16	Appia	HCM	08/09/2025	11.000	Châu Phi
Tổng				208.300	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	11/09	+/-	11/09	+/-	11/09	+/-	11/09	+/-	11/09	+/-	11/09	+/-	11/09	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.350	-	5.250	-700	5.150	-100	5.150	-125	5.200	-100	5.650	-100	5.650	-	5.650	5.343
Lúa thường	5.250	-	5.150	-600	5.100	-50	5.100	-125	5.075	-150	5.250	-300	5.050	-	5.250	5.139
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	6.650	-	6.450	-800	6.400	-100	6.450	-100	6.350	-150			6.850	-	6.850	6.525
Lúa thường	6.450	-	6.350	-700	6.200	-	6.200	-50	6.300	-150			6.050	-	6.450	6.258
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	7.950	-	7.950	-600	8.000	-50	7.850	-100	7.800	-275			8.750	-100	8.750	8.050
Lứt loại 2	7.850	-	7.850	-100	7.825	-25	7.750	-100	7.700	-100	7.850	-100	7.650	-100	7.850	7.782
Xát trắng loại 1			9.300	-650			9.150	-100	9.050	-300	10.050	-100	10.050	-100	10.050	9.520
Xát trắng loại 2			9.050	-100			9.150	-	9.050	-50	9.150	-	8.950	-	9.150	9.070
Phu Phẩm																
Tám 1/2	7.250	-	7.300	-100	7.250	-100	7.225	-25	7.175	-50	7.300	-100	7.150	-	7.300	7.236
Tám 2/3			7.200	-100	7.250	-100			6.800	-150			6.750	-	7.250	7.000
Tám 3/4	6.950	-	7.100	-	6.950	-300									7.100	7.000
Cám xát	6.050	-100	6.450	-	6.250	-	6.250	-	6.300	-	6.450	-	6.050	-	6.450	6.257
Cám lau	6.050	-100	6.350	-	6.250	-	6.250	-	6.300	-	6.350	-	6.150	-	6.350	6.243
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	8.900	-200	9.350	-200	9.100	-	9.100	-100	9.500	-200	9.500	-200	9.450	-	9.500	9.271
10%			9.250	-200					9.300	-200					9.300	9.275
15%	8.700	-200	9.150	-200	8.900	-	8.900	-100	9.100	-200	9.150	-200	9.150	-	9.150	9.007
20%									8.800	-200					8.800	8.800
25%	8.500	-200	8.550	-200	8.700	-	8.700	-100	8.500	-200	8.750	-50	8.750	-	8.750	8.636
